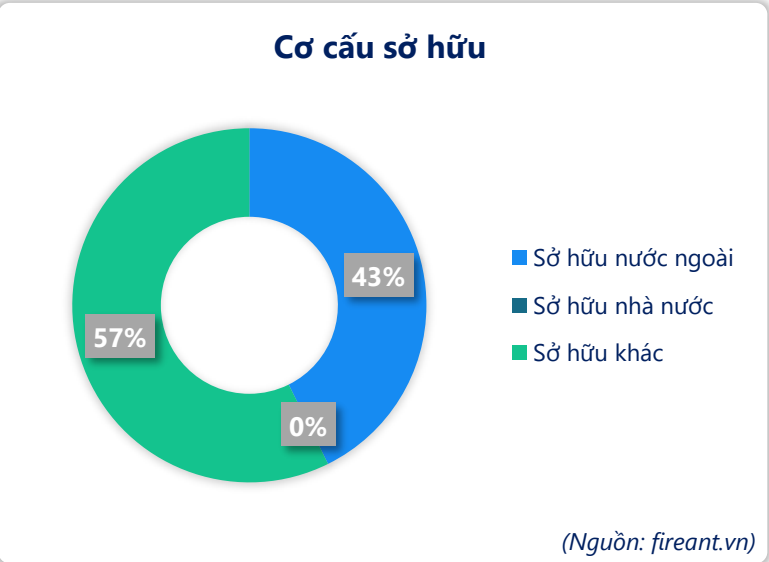
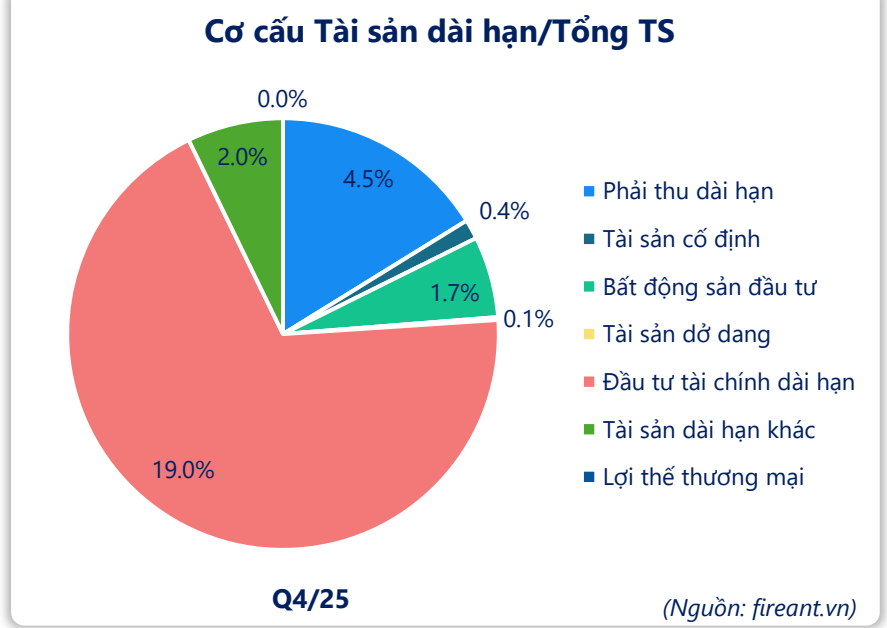
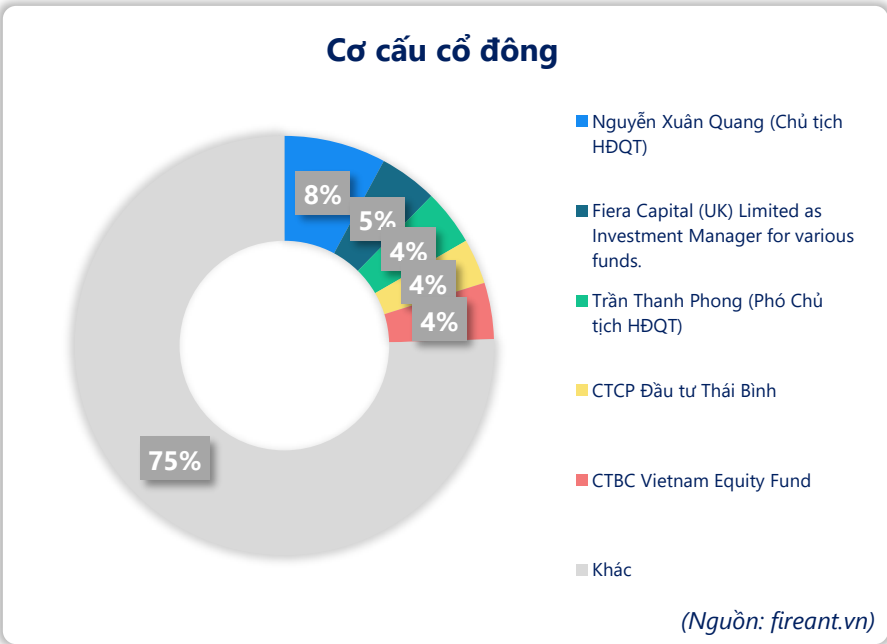
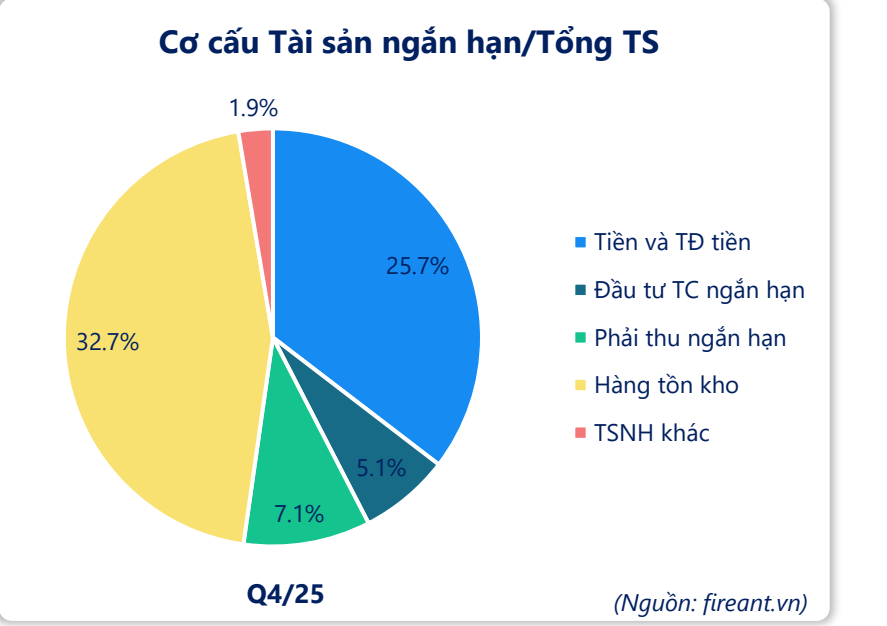
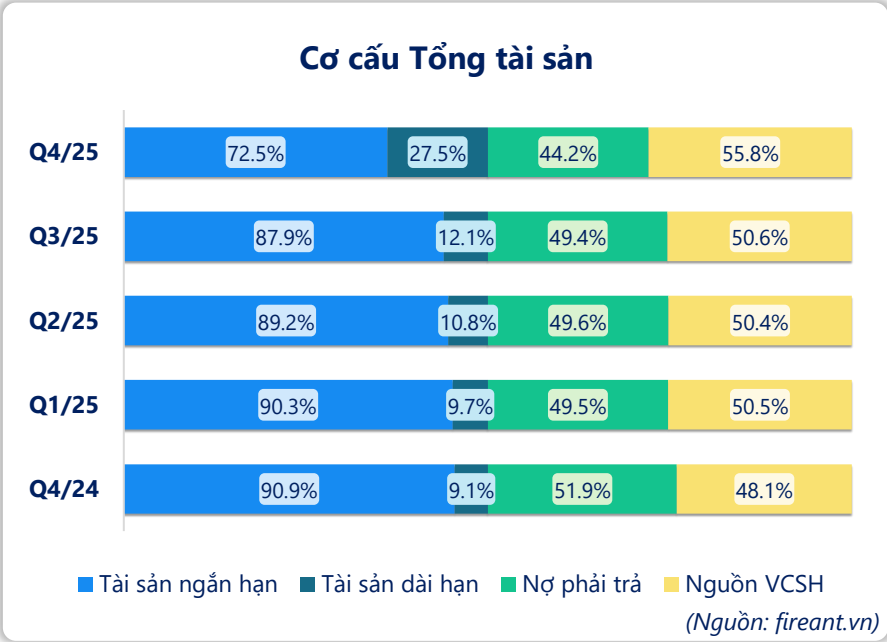


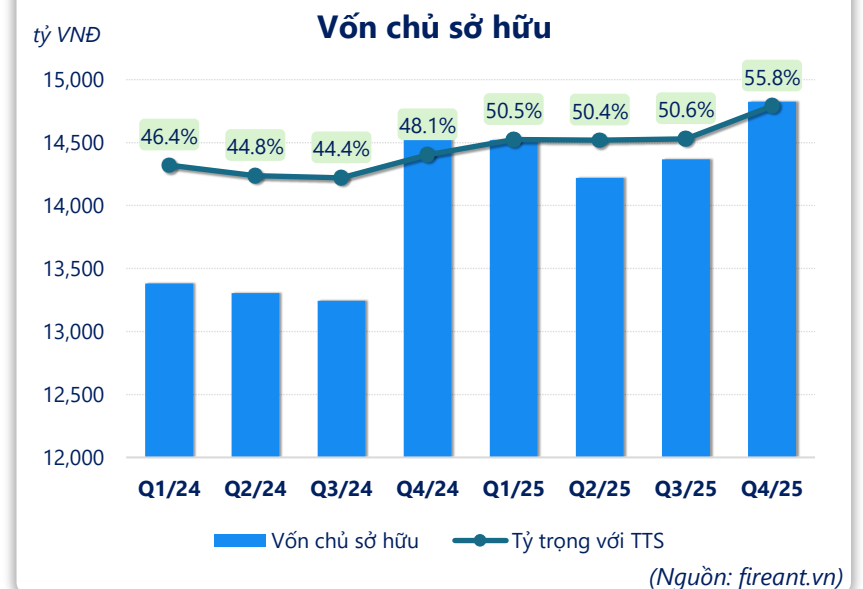
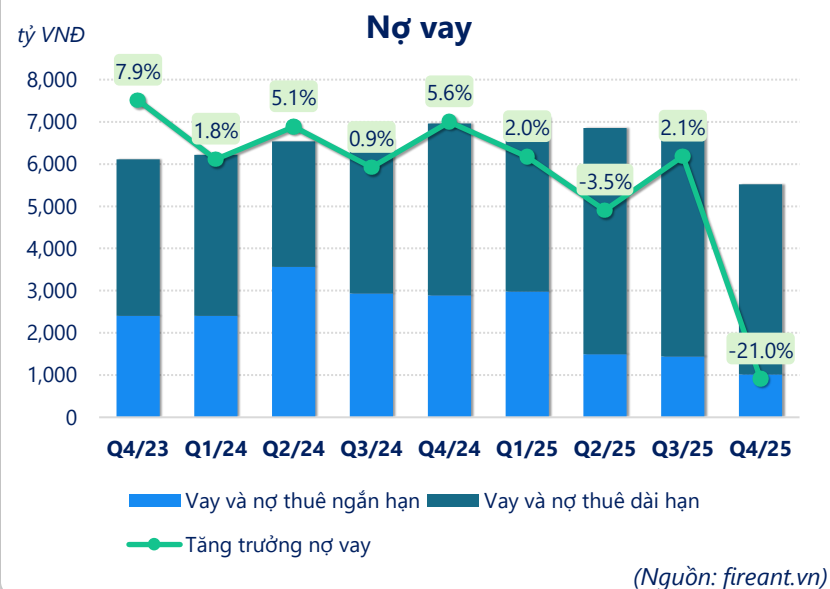
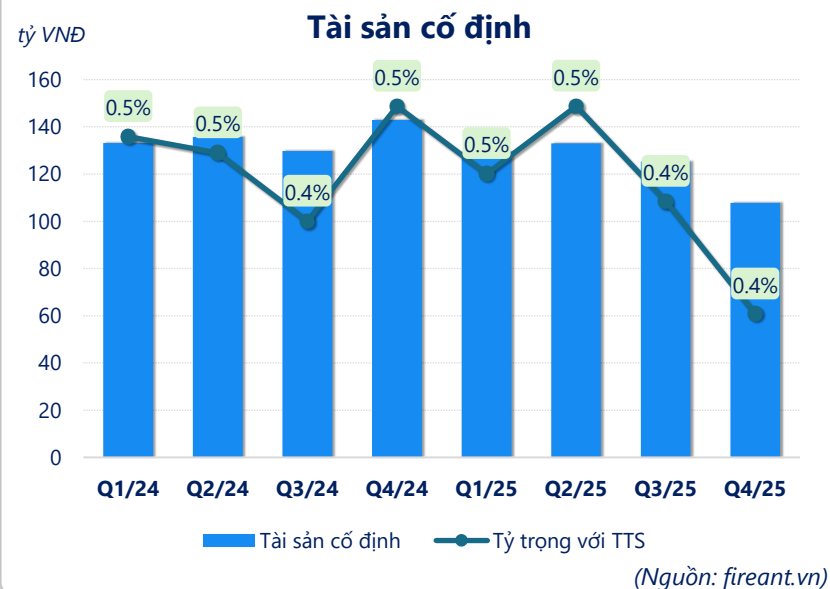
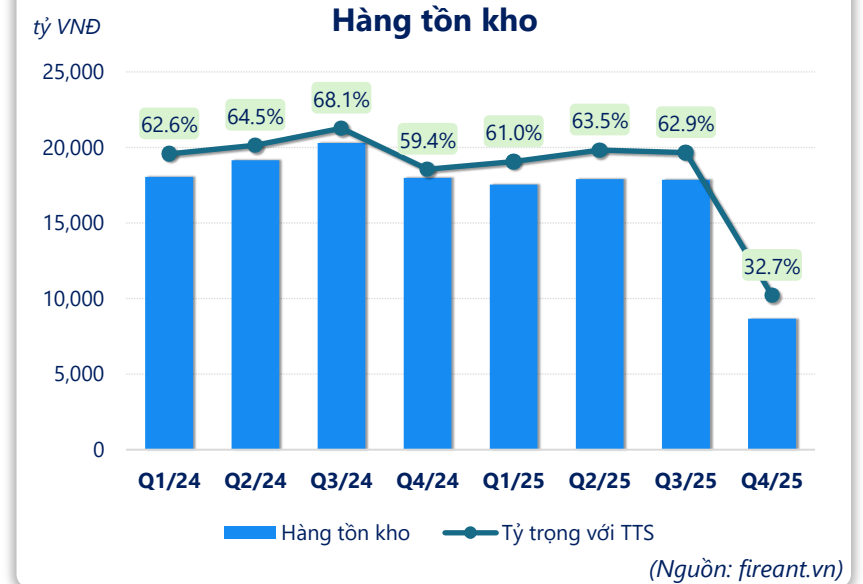
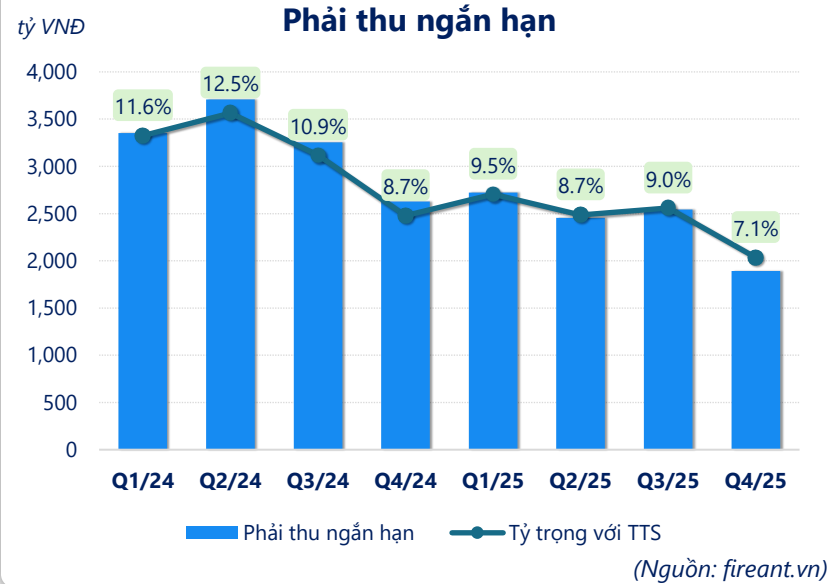
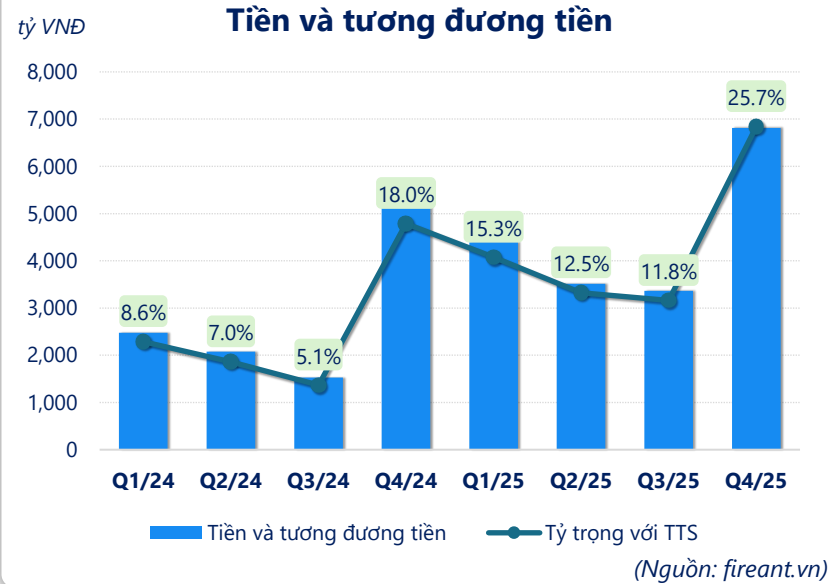
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,068
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,467
SL cổ phiếu LH		485,097,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,771,155
% sở hữu nước ngoài		42.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		14,771
P/E		21.1
EPS		1,446

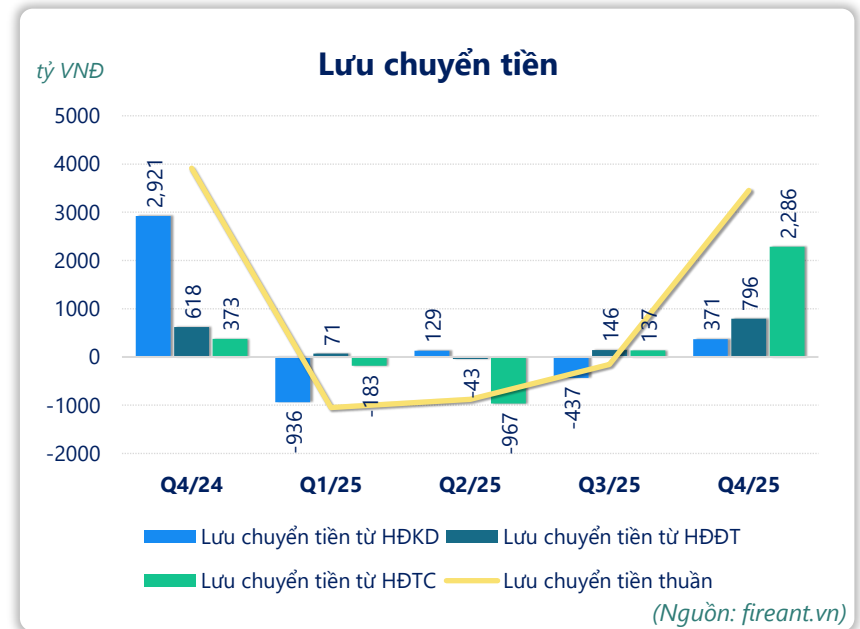
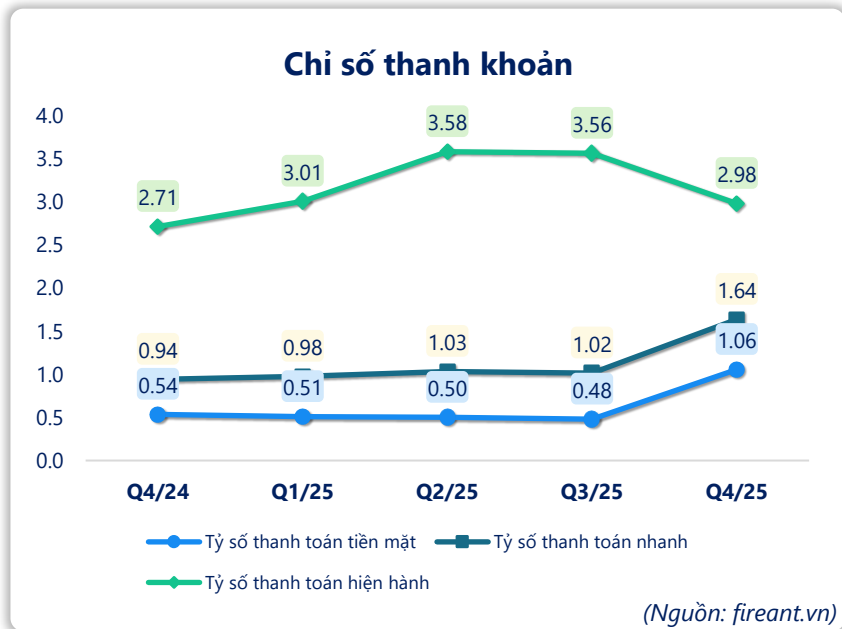
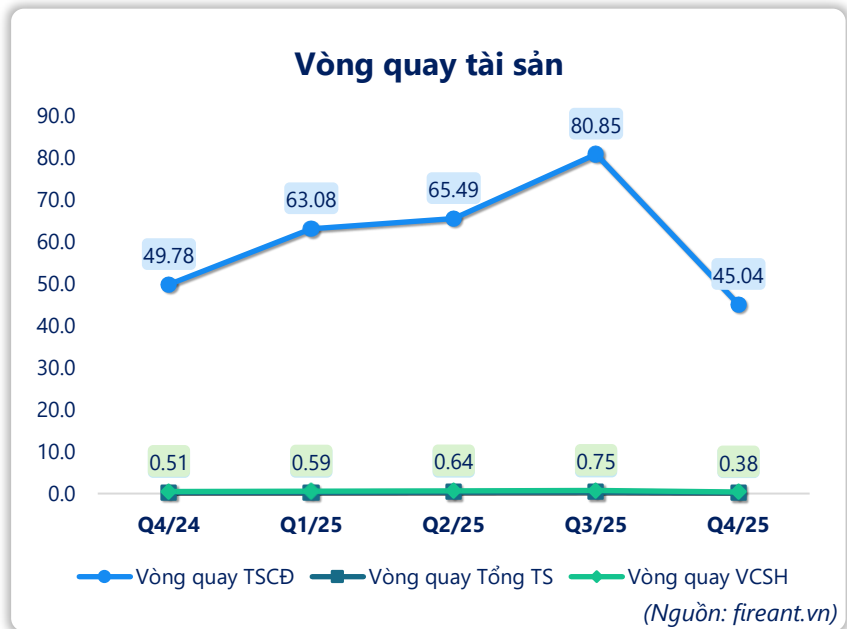
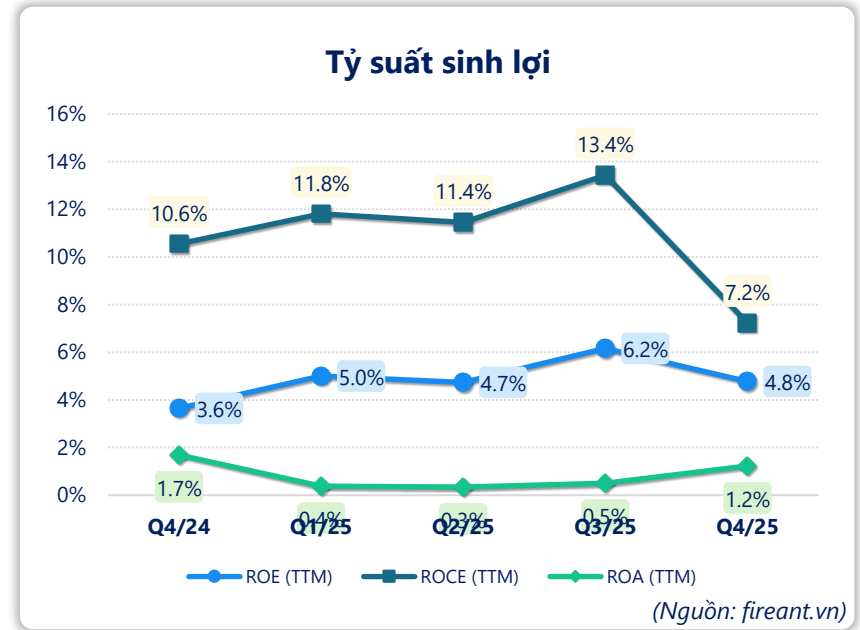
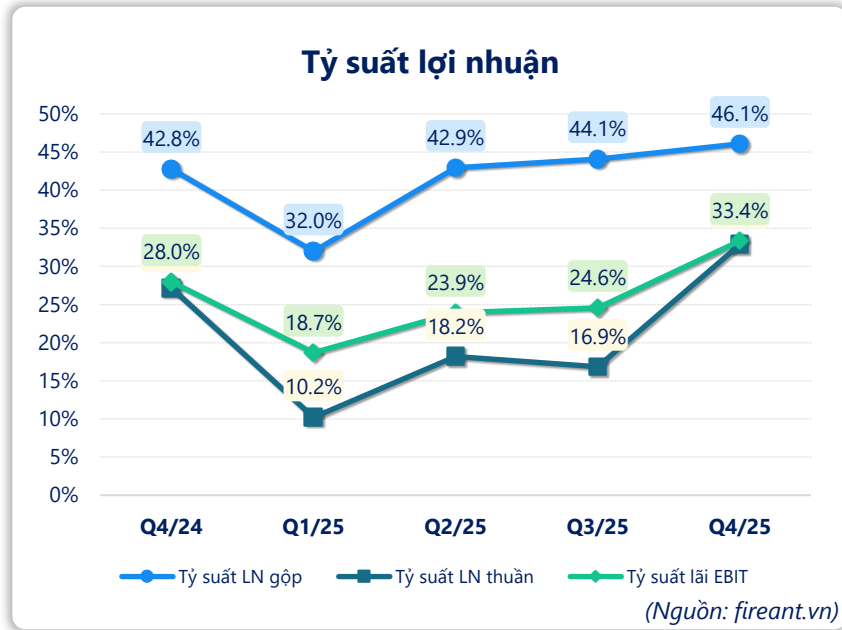
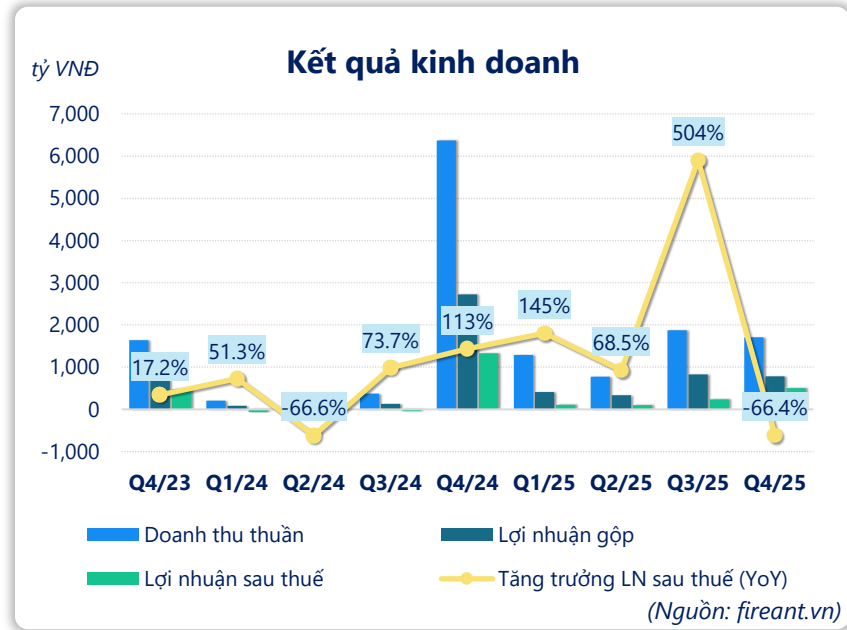
	YTD	1T	3T	6T
NLG	-7.6%	-15.7%	-15.4%	-15.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Đầu tư Nam Long (HSX: NLG)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	26,565	30,318	-12.4%
Tài sản ngắn hạn	19,246	27,549	-30.1%
Tiền và tương đương tiền	6,814	5,443	25.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,352	623	117%
Phải thu ngắn hạn	1,891	2,797	-32.4%
Hàng tồn kho	8,678	17,993	-51.8%
Tài sản ngắn hạn khác	511	692	-26.2%
Tài sản dài hạn	7,318	2,769	164%
Phải thu dài hạn	1,185	10.1	11681%
Tài sản cố định	108	143	-24.6%
Bất động sản đầu tư	445	316	40.9%
Tài sản dở dang	15.5	5.45	184%
Đầu tư tài chính dài hạn	5,038	1,794	181%
Tài sản dài hạn khác	527	500	5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11,740	15,749	-25.5%
Nợ ngắn hạn	6,454	10,227	-36.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,017	2,958	-65.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	463	1,027	-54.9%
Nợ dài hạn	5,286	5,523	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,505	4,003	12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	14,824	14,569	1.8%
Vốn chủ sở hữu	14,824	14,569	1.8%
Vốn điều lệ	4,851	3,848	26.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	6,369	1,291	773	1,877	1,704
Giá vốn hàng bán	3,644	878	441	1,050	919
Lợi nhuận gộp	2,724	413	332	827	785
Doanh thu HĐTC	39.6	48.1	44.1	29.0	534
Chi phí TC	153	99.0	49.2	136	363
Chi phí lãi vay	34.3	99.0	35.7	131	1.50
LN trong công ty LKLD	15.7	7.98	20.3	5.38	42.4
Chi phí bán hàng	639	99.3	121	208	271
Chi phí QLDN	259	139	85.2	201	168
LN thuần từ HĐKD	1,729	132	141	316	560
Lợi nhuận khác	18.3	10.5	8.48	13.4	6.88
LN trước thuế	1,747	142	149	330	567
Lợi nhuận sau thuế	1,327	110	97.5	234	505
LNST của CĐ cty mẹ	497	108	99.3	146	348

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,921	-936	129	-437	371
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	618	71.4	-42.9	146	796
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	373	-183	-967	137	2,286
Tiền đầu kỳ	1,530	5,443	4,395	3,515	3,361
Lưu chuyển tiền thuần	3,913	-1,048	-881	-153	3,453
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7,917	4,395	3,515	3,361	6,814

(Nguồn: fireant.vn)